SAO Y; Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai; Thời gian ký: 10/04/2024 09:56:24 +07:00

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08 /2024/QĐ-UBND	*Lào Cai, ngày 09 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tỷ lệ của từng loại khoáng sản nguyên khai có trong tổng khối lượng khoáng sản nguyên khai chứa nhiều khoáng vật, khoáng chất có ích đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai tại Tờ trình số 119/TTr- STNMT ngày 27/3/2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định tỷ lệ của từng loại khoáng sản nguyên khai có trong tổng khối lượng khoáng sản nguyên khai chứa nhiều khoáng vật, khoáng chất có ích đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Cục Thuế và các cơ quan khác có liên quan đến việc xây dựng, thực hiện xác định tỷ lệ của từng loại khoáng sản nguyên khai có trong tổng khối lượng khoáng sản

nguyên khai chứa nhiều khoáng vật, khoáng chất có ích đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

b) Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản thuộc đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường theo quy định.

Điều 2. Tỷ lệ của từng loại khoáng sản nguyên khai có trong tổng khối lượng khoáng sản nguyên khai chứa nhiều khoáng vật, khoáng chất có ích đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Thực hiện theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Công Thương, Sở Tài chính, Cục thuế và cơ quan khác có liên quan thực hiện xây dựng, xác định tỷ lệ của từng loại khoáng sản nguyên khai có trong tổng khối lượng khoáng sản nguyên khai chứa nhiều khoáng vật, khoáng chất có ích khi có thay đổi hoặc phát sinh mỏ mới phải trình Uỷ ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định ban hành quy định cho phù hợp.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Công Thương; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân có hoạt động khai thác khoáng sản thuộc đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Các Quyết định: số 1332/QĐ-UBND ngày 16/5/2019 của UBND tỉnh Lào Cai về việc quy đổi số lượng quặng thành phẩm ra số lượng quặng nguyên khai đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai, số 1009/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 của UBND tỉnh Lào Cai điều chỉnh hệ số quy đổi từ số lượng quặng thành phẩm ra số lượng quặng nguyên khai trên địa bàn tỉnh Lào Cai, số 5005/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành hệ số quy đổi số lượng quặng Wonfram từ quặng thành phẩm sang quặng nguyên khai tại mỏ vàng Sa Phìn và Tsu Ha hết hiệu lực thi hành từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng cục Thuế;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Như Điều 3 QĐ;
- Uỷ ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam;
- Sở Tư Pháp;
- Công báo Lào Cai; Báo Lào Cai;
- Đài phát thanh truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, TH2, TN1,2, KT2.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Hoàng Quốc Khánh

Phụ lục

TỶ LỆ TỪNG LOẠI KHOÁNG NGUYÊN KHAI CÓ TRONG TỔNG KHỐI LƯỢNG KHOÁNG SẢN NGUYÊN KHAI CHỨA NHIỀU KHOÁNG VẬT, KHOÁNG CHẤT CÓ ÍCH ĐỐI VỚI KHAI THÁC KHOÁNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI

(Kèm theo Quyết định số: 08 /2024/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh Lào Cai)

STT	Mỏ khoáng sản	Loại khoáng sản	Tỷ lệ từng loại khoáng sản nguyên khai có trong tổng khối lượng khoáng sản nguyên khai	Ghi chú
1	Mỏ đồng Sin Quyền - xã Bản Vược và xã Cốc Mỳ, huyện Bát Xát	Đồng	0,0515	
		Sắt	0,80864	
		Vàng	0,00000305	
		Bạc	0,00000483	
		Lưu huỳnh	0,13985212	
2	Mỏ đồng Vi Kẽm - xã Cốc Mỳ, huyện Bát Xát	Đồng	0,06602	
		Sắt	0,85645	
		Vàng	0,00000109	
		Bạc	0,00000327	
		Lưu huỳnh	0,07752564	
3	Mỏ đồng Tả Phời, xã Tả Phời, thành phố Lào Cai	Đồng	0,9999667	
		Vàng	0,0000333	